BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1846 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hoà, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân loại, sắp xếp chương trình đào tạo vào ngành phù hợp theo Danh mục ngành đào tạo mới và giao đơn vị quản lý

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15; Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang; Nghị quyết số 13/NQ-ĐHNT ngày 10/7/2025 và Nghị quyết số 33/NQ-ĐHNT ngày 12/12/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 74/2026/TT-BGDĐT ngày 28/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành Quy định danh mục ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-ĐHNT ngày 11/9/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành nhiệm vụ trọng tâm và chỉ tiêu chính năm học 2026-2027;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục chương trình đào tạo được phân loại, sắp xếp vào các ngành phù hợp theo Danh mục ngành mới được quy định tại Thông tư số 74/2026/TT-BGDĐT và đơn vị được giao quản lý ngành đào tạo, chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Danh mục quy định tại Điều 1 được áp dụng đối với các chương trình đào tạo tổ chức tuyển sinh từ ngày 01/01/2027 và là cơ sở để Nhà trường thực hiện việc quản lý, cập nhật thông tin tuyển sinh, chương trình đào tạo và các cơ sở dữ liệu liên quan theo quy định.

Đối với người học đã tuyển sinh trước ngày 01/01/2027, việc quản lý, tổ chức đào tạo và cấp văn bằng được thực hiện theo quy định áp dụng đối với khóa tuyển sinh tương ứng.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Hiệu trưởng Trường chuyên ngành, Trưởng khoa đào tạo và các Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Quách Hoài Nam

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

PHỤ LỤC

Phân loại, sắp xếp các chương trình đào tạo vào ngành phù hợp theo Danh mục ngành đào tạo mới và giao đơn vị quản lý

(Kèm theo Quyết định số: 1846/QĐ-ĐHNT, ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng)

TT	Mã số	Tên chương trình đào tạo	Tên ngành đào tạo	Trình độ*	Khoa quản lý	Trường chuyên ngành
1	220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	7	Khoa Ngoại ngữ	
2	220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	7	Khoa Ngoại ngữ	
3	310101	Kinh tế và quản lý tài nguyên biển	Kinh tế học	9	Khoa Kinh tế	Trường Kinh tế và Kinh doanh
4	310105	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	7,8	Khoa Kinh tế	Trường Kinh tế và Kinh doanh
5	340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7,8,9	Khoa Kinh doanh	Trường Kinh tế và Kinh doanh
6	340115	Marketing	Marketing	7	Khoa Kinh doanh	Trường Kinh tế và Kinh doanh
7	340121	Kinh doanh thương mại	Kinh doanh thương mại	7	Khoa Kinh doanh	Trường Kinh tế và Kinh doanh
8	340201	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	7,8	Khoa Tài chính và Ngân hàng	Trường Kinh tế và Kinh doanh
9	340301	Kế toán	Kế toán	7,8	Khoa Kế toán và Kiểm toán	Trường Kinh tế và Kinh doanh
10	340302	Kiểm toán	Kiểm toán	7	Khoa Kế toán và Kiểm toán	Trường Kinh tế và Kinh doanh
11	340405	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin quản lý	7	Khoa Kinh doanh	Trường Kinh tế và Kinh doanh
12	380101	Luật	Luật	7	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	
13	420201	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học	7,8,9	Khoa Công nghệ sinh học	Trường Thủy sản và Khoa học sự sống

TT	Mã số	Tên chương trình đào tạo	Tên ngành đào tạo	Trình độ*	Khoa quản lý	Trường chuyên ngành
14	420201	Công nghệ sinh học biển	Công nghệ sinh học	8	Khoa Công nghệ sinh học	Trường Thủy sản và Khoa học sự sống
15	480101	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	7	Khoa Công nghệ thông tin	
16	480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	7	Khoa Công nghệ thông tin	
17	520103	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí	7,8,9	Khoa Cơ khí	Trường Kỹ thuật và Công nghệ
18	520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Kỹ thuật cơ điện tử	7	Khoa Cơ khí	Trường Kỹ thuật và Công nghệ
19	520115	Kỹ thuật nhiệt	Kỹ thuật nhiệt	7	Khoa Kỹ thuật năng lượng	Trường Kỹ thuật và Công nghệ
20	520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	Kỹ thuật cơ khí động lực	7,8,9	Khoa Động lực và Ô tô	Trường Kỹ thuật và Công nghệ
21	520122	Kỹ thuật tàu thuỷ	Kỹ thuật tàu thuỷ	7	Khoa Kỹ thuật biển	Trường Kỹ thuật và Công nghệ
22	520130	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật ô tô	7,8	Khoa Động lực và Ô tô	Trường Kỹ thuật và Công nghệ
23	520201	Kỹ thuật điện	Kỹ thuật điện	7	Khoa Điện và Điện tử	Trường Kỹ thuật và Công nghệ
24	520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7	Khoa Điện và Điện tử	Trường Kỹ thuật và Công nghệ
25	520301	Kỹ thuật hoá học	Kỹ thuật hoá học	7	Khoa Kỹ thuật hóa học và Môi trường	Trường Thủy sản và Khoa học sự sống
26	520320	Kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật môi trường	7	Khoa Kỹ thuật hóa học và Môi trường	Trường Thủy sản và Khoa học sự sống
27	540101	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	7,8,9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Trường Thủy sản và Khoa học sự sống

TT	Mã số	Tên chương trình đào tạo	Tên ngành đào tạo	Trình độ*	Khoa quản lý	Trường chuyên ngành
28	540105	Công nghệ chế biến thuỷ sản	Công nghệ chế biến thuỷ sản	7,8,9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Trường Thủy sản và Khoa học sự sống
29	540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	Trường Thủy sản và Khoa học sự sống
30	580201	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	7,8	Khoa Xây dựng	Trường Kỹ thuật và Công nghệ
31	580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7	Khoa Xây dựng	Trường Kỹ thuật và Công nghệ
32	620301	Nuôi trồng thuỷ sản	Nuôi trồng thuỷ sản	7,8,9	Khoa Nuôi trồng Thủy sản	Trường Thủy sản và Khoa học sự sống
33	620303	Khoa học thủy sản	Khoa học thủy sản	7,8,9	Khoa Khoa học Thủy sản	Trường Thủy sản và Khoa học sự sống
34	620305	Quản lý thủy sản	Quản lý thủy sản	7,8	Khoa Khoa học Thủy sản	Trường Thủy sản và Khoa học sự sống
35	810201	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	7	Khoa Du lịch	
36	840106	Khoa học hàng hải	Khoa học hàng hải	7	Khoa Kỹ thuật biển	Trường Kỹ thuật và Công nghệ

Ghi chú:

- Dấu * các ký tự đầu tiên trong mã ngành thể hiện trình độ đào tạo: 7 là trình độ đại học, 8 là trình độ thạc sĩ, 9 là trình độ tiến sĩ.
- Tính đến tháng 10/2026, Trường có tổng số 34 chương trình đào tạo trình độ đại học, 15 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, và 8 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ thống nhất phân loại, sắp xếp vào ngành đào tạo phù hợp theo Danh mục ngành mới.